

Bản án số: 28/2024/DS-ST

Ngày 20-6-2024

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công.

2. Bà Nguyễn Thị Thọ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 249/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Xuân T, sinh năm: 1973; địa chỉ: Tổ G ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978; địa chỉ: D đường B, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Xuân T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn H quen biết và chung sống với nhau từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2023. Quá trình chung sống, do tin tưởng nên bà T nhiều lần đưa tiền cho ông H để mua đất, mua xe và làm một số công việc khác cho bà T cụ thể như sau:

+ Ngày 11/01/2022, bà T có chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn H 02 lần vào số tài khoản 76110000664078 của Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B số tiền 1.000.000.000 đồng và 1.600.000.000 đồng, tổng cộng 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng và 300.000.000 đồng tiền mặt để nhờ ông H mua đất tại ấp P, xã L, thành phố B.

+ Tháng 12/2021, bà T có đưa cho ông H 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng tiền mặt, không có giấy tờ giao nhận để mua 01 chiếc xe ô tô.

+ Ngày 01/3/2022, bà T có đưa cho ông H 1.000.000.000 (một tỷ) đồng tiền mặt để thực hiện công việc trong vụ án dân sự “tranh chấp hợp đồng ủy quyền”, có văn bản thỏa thuận và cam kết ngày 22/02/2022.

+ Tháng 12/2022, bà T đưa thêm cho ông H 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tiền mặt, không có giấy tờ giao nhận để trả cho ông Nguyễn Huy H1.

Tổng cộng số tiền bà T đưa cho ông H số tiền 4.280.000.000 (bốn tỷ, hai trăm tám mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, ông H sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân. Do đó, bà T yêu cầu ông H trả cho lại toàn bộ số tiền 4.280.000.000 (bốn tỷ, hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Đến ngày 17/01/2024, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả lại số tiền 2.600.000.000 đồng mà bà T chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn H 02 lần vào số tài khoản 76110000664078 của ông Nguyễn Văn H tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B số tiền 1.000.000.000 đồng và 1.600.000.000 đồng vào ngày 11/01/2022. Đối với các yêu cầu còn lại, bà T xin rút yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Biên bản hòa giải ngày 17/01/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H xác nhận có nhận tiền qua hình thức chuyển khoản của bà T 02 lần vào số tài khoản 76110000664078 tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B số tiền 1.000.000.000 đồng và 1.600.000.000 đồng, tổng cộng 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng. Ông H đề nghị Tòa án cho thời gian cung cấp chứng cứ để chứng minh về việc dùng số tiền trên cụ thể thế nào, thời gian cung cấp vào ngày 20/02/2024.

Tại phiên tòa, ông H vắng mặt, các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về

phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Huỳnh Thị Xuân T số tiền 2.600.000.000 đồng. Án phí: Ông H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Bà T khởi kiện ông H về việc đòi lại số tiền đã đưa cho ông H nên xác định là tranh chấp đòi lại tài sản theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 11/01/2022, bà Huỳnh Thị Xuân T có chuyển vào số tài khoản 76110000664078 của ông Nguyễn Văn H được mở tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B số tiền 1.000.000.000 đồng và 1.600.000.000 đồng, tổng cộng 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng, theo bà T số tiền trên bà gửi cho ông H nhằm mục đích nhờ ông H mua đất tuy nhiên ông H không thực hiện đúng yêu cầu của bà T. Do đó, bà T yêu cầu ông H trả lại số tiền 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng. Theo văn bản số 08/CV-BIDV.BR ngày 15/01/2024, kèm theo Bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng ngày 11/01/2022 do Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B cung cấp, thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: số D đường B, phường P, thành phố B, có số tài khoản 76110000664078, vào lúc 12 giờ 15 phút ngày 11/1/2022 phát sinh có số tiền 1.000.000.000 đồng và vào lúc 13 giờ 47 phút ngày 11/01/2022 phát sinh có số tiền 1.600.000.000 đồng, nội dung “Huỳnh Thị Xuân T chuyển tiền”. Tại biên bản hòa giải ngày 17/01/2024, ông H cũng thừa nhận có nhận tiền của bà T qua hình thức chuyển khoản 02 lần vào số tài khoản 76110000664078 tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B số tiền

1.000.000.000 đồng và 1.600.000.000 đồng, tổng cộng 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng.

Như vậy có căn cứ xác định ông H đã nhận của bà T số tiền 2.600.000.000 đồng. Từ những nhận định và phân tích nêu trên cần tuyên xử buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Huỳnh Thị Xuân T số tiền 2.600.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu về tiền lãi nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 105, 116, 166 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Xuân T đối với ông Nguyễn Văn H về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Huỳnh Thị Xuân T số tiền là 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng. H2 lại cho bà Huỳnh Thị Xuân T số tiền 56.140.000 (năm mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010221 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2024) đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Mai